

## **CHƯƠNG TRÌNH**

### **Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035**

#### **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

Căn cứ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030 và yêu cầu thực tiễn về ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh, Chương trình được xây dựng trên cơ sở các văn bản sau:

- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;
- Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;
- Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược;
- Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay;

- Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN ngày 26/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về tình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 05/03/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2026.

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, Chương trình được xây dựng nhằm triển khai thống nhất các hoạt động hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.

## **II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong những động lực quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong giai đoạn phát triển mới. Tỉnh An Giang xác định đây là một trong những khâu đột phá nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ và năng lực quản trị của các chủ thể kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả tích cực, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và từng bước tiếp cận công nghệ tiên tiến. Một số mô hình ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp, chế biến nông sản, thủy sản và sản xuất công nghiệp đã phát huy hiệu quả, tạo tiền đề để thúc đẩy đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

Tuy nhiên, quy mô triển khai các hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ còn phân tán, mức độ lan tỏa chưa cao; số lượng doanh nghiệp chủ động đầu tư đổi mới công nghệ và làm chủ công nghệ còn hạn chế. Việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cũng như nhân rộng các mô hình ứng dụng hiệu quả vào sản xuất và đời sống, vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển của tỉnh.

Năng lực hấp thụ, tiếp nhận và từng bước làm chủ công nghệ của doanh nghiệp còn hạn chế; liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ chưa chặt chẽ, chưa hình thành được nhiều mô hình hợp tác hiệu quả gắn nghiên cứu với nhu cầu thị trường.

Bên cạnh đó, tiềm năng ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong một số ngành, lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, thủy sản, logistics và công nghệ số vẫn chưa được khai thác đầy đủ. Hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức trung gian chuyển giao công nghệ còn hạn chế; thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh phát triển chưa tương xứng với nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

Định hướng phát triển công nghệ trong một số lĩnh vực còn thiếu tính tập trung, chưa hình thành rõ các lĩnh vực ưu tiên để dẫn dắt hoạt động đầu tư và hỗ trợ đổi mới công nghệ, dẫn đến nguy cơ dàn trải nguồn lực và hiệu quả chưa cao. Trong bối cảnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và yêu cầu tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế, nhu cầu ứng dụng và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp ngày càng trở nên cấp thiết. Đặc biệt, nhu cầu ứng dụng các công nghệ số và công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, tự động hóa và phân tích dữ liệu ngày càng gia tăng trong các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của tỉnh. Nếu không có cơ chế hỗ trợ phù hợp, đồng bộ và có trọng tâm, nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất sẽ gặp khó khăn trong việc đầu tư, tiếp nhận và làm chủ các công nghệ tiên tiến phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035 nhằm tạo khuôn khổ chính sách thống nhất để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh ứng dụng, tiếp nhận và đổi mới công nghệ; tăng cường liên kết “viện - trường - doanh nghiệp”, thúc đẩy tiếp nhận và làm chủ công nghệ gắn với nhu cầu thị trường và định hướng các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ, tăng cường năng lực cạnh tranh và đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới.

### **III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

#### **1. Quan điểm chỉ đạo**

Ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ là động lực quan trọng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh. Việc triển khai Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình) phải gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực.

Nhà nước giữ vai trò định hướng, kiến tạo và hỗ trợ thông qua cơ chế, chính sách phù hợp; doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức khoa học và công nghệ là chủ thể trung tâm trong hoạt động tiếp nhận, ứng dụng, làm chủ và khai thác công nghệ. Hoạt động hỗ trợ tập trung nâng cao năng lực hấp thụ, tiếp nhận và từng bước làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, gắn với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh. Hoạt động hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, gắn với địa chỉ ứng dụng cụ thể, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng nhân rộng trong thực tiễn.

Đồng thời, chú trọng phát triển các tổ chức trung gian thị trường khoa học và công nghệ; tăng cường kết nối cung - cầu công nghệ giữa doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên gia trong và ngoài nước; thúc đẩy liên kết “viện - trường - doanh nghiệp” và phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo hướng đồng bộ, hiệu quả.

Ưu tiên hỗ trợ các công nghệ tiên tiến, công nghệ số, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, logistics và các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh; tập trung, có trọng tâm, tránh dàn trải nguồn lực; khuyến khích doanh nghiệp từng bước nâng cao năng lực tiếp nhận, làm chủ và cải tiến công nghệ, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **2. Mục tiêu của Chương trình**

### *2.1. Mục tiêu tổng quát*

Triển khai cơ chế hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm nhằm thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035; tập trung nâng cao năng lực tiếp nhận, làm chủ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp gắn với nhu cầu thị trường, qua đó tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến, đặc biệt ưu tiên công nghệ chiến lược trong sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ chủ lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng bền vững; đồng thời phát triển thị trường khoa học và công nghệ, từng bước nâng cao vai trò của các tổ chức trung gian trong hoạt động kết nối, tư vấn, môi giới và xúc tiến chuyển giao công nghệ.

### *2.2. Mục tiêu cụ thể*

#### a) Ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Hỗ trợ triển khai khoảng 50 dự án ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong giai đoạn 2026 - 2030, tập trung vào các công nghệ phù hợp định hướng phát triển của tỉnh như công nghệ số, tự động hóa, Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo và các giải pháp công nghệ tiên tiến khác, ưu tiên các dự án gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và có khả năng nhân rộng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

#### b) Sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa công nghệ

Hỗ trợ triển khai khoảng 50 dự án sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa công nghệ trong giai đoạn 2026 - 2030, nhằm hoàn thiện công nghệ, kiểm chứng quy trình kỹ thuật và thúc đẩy đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và thị trường; tập trung vào các công nghệ, sản phẩm có tiềm năng thị trường và khả năng phát triển quy mô sau hỗ trợ.

#### c) Phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Hỗ trợ khoảng 75 lượt tổ chức, doanh nghiệp tham gia các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong giai đoạn 2026 - 2030, thông qua các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, xúc tiến giao dịch công nghệ, hội chợ, triển lãm và các sự kiện giới thiệu công nghệ, qua đó thúc đẩy ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ và mở rộng hợp tác với các tổ chức trong và ngoài tỉnh; tăng cường kết nối với các nguồn cung công nghệ trong và ngoài nước; đồng thời hỗ trợ phát triển và nâng cao năng lực các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ), góp phần thúc đẩy hiệu quả hoạt động kết nối cung - cầu và thương mại hóa công nghệ; phân đấu hỗ trợ phát triển hoặc nâng cao năng lực từ 01 đến 02 tổ chức trung gian hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

#### d) Định hướng lĩnh vực ưu tiên

Ưu tiên hỗ trợ các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực có lợi thế và tiềm năng phát triển của tỉnh như: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; công nghệ chế biến nông sản và thủy sản; công nghệ số; logistics; năng lượng tái tạo; công nghệ môi trường và các lĩnh vực khác có tiềm năng phát triển.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường và gia tăng giá trị trong sản xuất, kinh doanh; bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển ngành và khả năng hấp thụ của doanh nghiệp.

Tập trung vào các nhiệm vụ ứng dụng, đổi mới công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), tự động hóa và phân tích dữ liệu trong sản xuất, quản trị và tối ưu hóa chuỗi cung ứng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Đồng thời, định hướng hỗ trợ một số loại hình công nghệ nền tảng, có khả năng lan tỏa, phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh, gồm: (i) công nghệ số và chuyển đổi số; (ii) công nghệ nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu, công nghệ giống và sau thu hoạch; (iii) công nghệ nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, nhất là nuôi biển và logistics; (iv) công nghệ chế biến sâu nông sản, thực phẩm gắn với kinh tế tuần hoàn; (v) công nghệ logistics và quản lý chuỗi cung ứng; (vi) công nghệ năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và công nghệ môi trường. Việc lựa chọn nhiệm vụ ưu tiên căn cứ vào các nhóm công nghệ này, gắn với nhu cầu thực tiễn và khả năng hấp thụ của doanh nghiệp.

### 2.3. Định hướng đến năm 2035

Trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn 2026 - 2030, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ theo hướng

nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp làm chủ công nghệ; thúc đẩy hình thành các mô hình sản xuất thông minh và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực chủ lực của tỉnh.

Tăng cường năng lực liên kết và tiếp nhận công nghệ của doanh nghiệp; mở rộng hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước; phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo hướng đồng bộ, hiệu quả, gắn với nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh đến năm 2035; từng bước hình thành và phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian thị trường khoa học và công nghệ hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả, đóng vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp với các nguồn cung công nghệ trong và ngoài nước.

#### **IV. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

Đề bảo đảm tính khả thi và triển khai có hiệu quả Chương trình, trong giai đoạn 2026 - 2030 tập trung thực hiện các nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

##### **1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ**

Rà soát các quy định hiện hành, nghiên cứu và tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn 2026 - 2030.

Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình hằng năm gắn với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

Ban hành văn bản hướng dẫn, quy trình thực hiện và tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả trong tổ chức triển khai Chương trình.

Quy định rõ nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ theo hướng tập trung, có trọng tâm, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ và ngành hàng chủ lực của tỉnh; bảo đảm lựa chọn các nhiệm vụ có khả năng ứng dụng thực tiễn, hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng nhân rộng.

Tập trung triển khai Lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh đến năm 2035 (Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 23/10/2025). Trên cơ sở kết quả đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp, định kỳ cập nhật danh mục công nghệ ưu tiên hỗ trợ, làm căn cứ xác định và lựa chọn nhiệm vụ của Chương trình.

Tăng cường lồng ghép các chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ với các chương trình phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ của tỉnh nhằm tạo sự đồng bộ trong triển khai, tránh trùng lặp, chồng chéo nội dung hỗ trợ.

## **2. Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ**

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức sản xuất tiếp nhận, chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến và các công nghệ số phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh; ưu tiên nâng cấp dây chuyền gắn với mục tiêu nâng cao năng suất chất lượng.

Khuyến khích doanh nghiệp cải tiến quy trình công nghệ, đổi mới thiết bị và áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến nhằm tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm chi phí sản xuất và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; từng bước tiếp cận và ứng dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), tự động hóa và phân tích dữ liệu trong hoạt động sản xuất và quản trị doanh nghiệp.

Tập trung hỗ trợ nâng cao năng lực hấp thụ, tiếp nhận, làm chủ và từng bước cải tiến công nghệ của doanh nghiệp; ưu tiên các nhiệm vụ gắn với nhu cầu thực tiễn, có địa chỉ ứng dụng cụ thể và khả năng duy trì, phát triển sau khi kết thúc hỗ trợ.

Ưu tiên hỗ trợ các công nghệ phục vụ các ngành hàng chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh và các lĩnh vực có tiềm năng mở rộng thị trường, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế; đồng thời khuyến khích các nhiệm vụ có khả năng nhân rộng và tạo tác động lan tỏa.

Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu và trường đại học trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; thúc đẩy các mô hình hợp tác “viện - trường - doanh nghiệp” gắn với nhu cầu của thị trường.

Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kiểm soát chất lượng và nâng cao năng lực quản trị; khuyến khích doanh nghiệp tiếp nhận, làm chủ và cải tiến công nghệ thông qua hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian và mạng lưới chuyên gia.

Các nhiệm vụ được lựa chọn phải đáp ứng tiêu chí về hiệu quả kinh tế - xã hội, khả năng nhân rộng và phù hợp với định hướng lĩnh vực ưu tiên của Chương trình.

## **3. Hỗ trợ sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu**

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ sản xuất thử nghiệm nhằm hoàn thiện công nghệ, kiểm chứng quy trình kỹ thuật trong điều kiện sản xuất thực tế và đánh giá khả năng áp dụng trước khi đưa vào sản xuất ở quy mô lớn.

Hỗ trợ hoàn thiện các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; cải tiến thiết kế, mẫu mã, hoàn thiện quy trình công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Hỗ trợ một số hoạt động phục vụ thương mại hóa công nghệ như: hoàn thiện quy trình công nghệ; thử nghiệm và đánh giá chất lượng sản phẩm trong điều kiện sản xuất thực tế; hoàn thiện các điều kiện kỹ thuật cần thiết để đưa sản phẩm ra thị trường.

Hỗ trợ sản xuất thử lô sản phẩm đầu tiên nhằm đánh giá khả năng thương mại hóa trước khi triển khai sản xuất ở quy mô lớn.

Ưu tiên các nhiệm vụ có sản phẩm, công nghệ có tiềm năng thị trường, khả năng tiêu thụ và mở rộng quy mô sản xuất sau khi kết thúc hỗ trợ; gắn hoạt động sản xuất thử với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường.

Tăng cường kết nối giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp trong việc tiếp nhận, hoàn thiện và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối với các đối tác phân phối, nhà đầu tư và hệ thống thương mại nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Khuyến khích doanh nghiệp tham gia vốn đối ứng nhằm nâng cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm khả năng duy trì và phát triển sản xuất sau hỗ trợ.

#### **4. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

Thúc đẩy hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ giữa doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học và mạng lưới chuyên gia nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và lựa chọn công nghệ phù hợp.

Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin về công nghệ, chuyên gia, thiết bị và các kết quả nghiên cứu có khả năng ứng dụng vào thực tiễn; từng bước xây dựng và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu và nền tảng thông tin về công nghệ.

Tổ chức hoặc hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm công nghệ, sự kiện giới thiệu công nghệ, diễn đàn và hội nghị kết nối cung - cầu công nghệ nhằm tìm kiếm đối tác và mở rộng hợp tác.

Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch công nghệ, nền tảng kết nối cung - cầu công nghệ và các mạng lưới đổi mới sáng tạo.

Tăng cường kết nối với các nguồn cung công nghệ trong và ngoài nước; thúc đẩy hình thành các hợp đồng, thỏa thuận chuyển giao công nghệ và hợp tác nghiên cứu - ứng dụng giữa doanh nghiệp với các đối tác.

Phát huy vai trò của các tổ chức trung gian trong hoạt động tư vấn, môi giới và xúc tiến chuyển giao công nghệ; từng bước phát triển mạng lưới tổ chức trung gian hoạt động hiệu quả.

#### **5. Tuyên truyền, thông tin và phổ biến kiến thức công nghệ**

Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn giới thiệu công nghệ mới và mô hình ứng dụng hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận công nghệ của doanh nghiệp.

Phổ biến các mô hình ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ tiêu biểu để tạo hiệu ứng lan tỏa và khuyến khích nhân rộng.

Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về nội dung, điều kiện và quy trình tham gia Chương trình trên các phương tiện thông tin của tỉnh.

Biên soạn và phát hành tài liệu hướng dẫn xây dựng, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình thuận lợi.

### **6. Theo dõi, đánh giá và quản lý thực hiện**

Tổ chức theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình, bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ và nội dung đã được phê duyệt.

Thực hiện đánh giá định kỳ hằng năm, đánh giá giữa kỳ và tổng kết giai đoạn 2026 - 2030 nhằm xác định mức độ đạt được của các mục tiêu và hiệu quả của chính sách hỗ trợ.

Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; đề xuất điều chỉnh nội dung và lĩnh vực ưu tiên phù hợp với tình hình thực tế.

Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với các chỉ tiêu cụ thể của Chương trình; tăng cường đánh giá hiệu quả đầu ra, khả năng ứng dụng và nhân rộng của các nhiệm vụ được hỗ trợ.

Công khai kết quả thực hiện Chương trình theo quy định, bảo đảm minh bạch và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tham gia.

### **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 120 tỷ đồng, tương đương bình quân khoảng 24 tỷ đồng/năm. Việc bố trí kinh phí thực hiện Chương trình được thực hiện trong dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm của tỉnh, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Ngoài nguồn ngân sách nhà nước, Chương trình khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nguồn vốn đối ứng của đơn vị thực hiện; nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Kinh phí được phân bổ có trọng tâm, ưu tiên cho các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ưu tiên, có hiệu quả kinh tế - xã hội, khả năng nhân rộng và phù hợp với mục tiêu của Chương trình.

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định có liên quan.

Kinh phí hỗ trợ được triển khai thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp trên cơ sở đề xuất của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; bảo đảm đúng mục tiêu, tiết kiệm và hiệu quả.

Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm bố trí phần kinh phí đối ứng (nếu có) và sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định hiện hành.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

Là cơ quan chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

Chủ trì hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đề xuất và đăng ký thực hiện nhiệm vụ; tổ chức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định; quản lý quá trình thực hiện, nghiệm thu, đánh giá kết quả và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Chủ trì rà soát, tổng hợp nhu cầu ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ theo từng ngành, lĩnh vực; đề xuất danh mục nhiệm vụ trọng tâm và lĩnh vực ưu tiên trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; bảo đảm nhiệm vụ được lựa chọn có địa chỉ ứng dụng cụ thể, hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng nhân rộng.

Thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ hằng năm, giữa kỳ và tổng kết; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; đánh giá kết quả gắn với các chỉ tiêu đầu ra của Chương trình và hiệu quả ứng dụng thực tế.

Chủ trì tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phối hợp với các sở, ngành liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện.

Làm đầu mối phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; thúc đẩy hình thành các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác cụ thể.

Chủ trì phát triển và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ Chương trình; tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền; thực hiện công khai thông tin theo quy định, bảo đảm minh bạch và nâng cao trách nhiệm giải trình.

### **2. Sở Tài chính**

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh phí thực hiện Chương trình trên cơ sở lồng ghép với các nhiệm vụ thuộc nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí; phối hợp kiểm tra việc sử dụng kinh phí đúng quy định, bảo đảm hiệu quả và tiết kiệm.

### **3. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

Phối hợp đề xuất nhu cầu ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, bảo quản sau thu hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Lồng ghép nội dung hỗ trợ đổi mới công nghệ với các chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Phối hợp hướng dẫn, theo dõi việc triển khai nhiệm vụ trong lĩnh vực ngành quản lý; hỗ trợ nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ hiệu quả trên địa bàn.

#### **4. Sở Công Thương**

Phối hợp đề xuất nhiệm vụ đổi mới công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, năng lượng và thương mại.

Phối hợp hỗ trợ thông tin kết nối doanh nghiệp tham gia hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công thương; lồng ghép hoạt động xúc tiến thương mại với giới thiệu, quảng bá sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

#### **5. Sở Xây dựng**

Phối hợp đề xuất và triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, vật liệu xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật và đô thị.

Khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường trong các dự án thuộc phạm vi quản lý.

#### **6. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch**

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại gắn với quảng bá, giới thiệu công nghệ và sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm, sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ, diễn đàn xúc tiến đầu tư trong và ngoài tỉnh; tạo điều kiện quảng bá sản phẩm đổi mới công nghệ, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao và sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

Phối hợp cung cấp thông tin thị trường, nhu cầu công nghệ của nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước; hỗ trợ kết nối hợp tác chuyên gia công nghệ và thu hút đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên của Chương trình.

#### **7. Sở Tư pháp**

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong việc rà soát, tham gia ý kiến đối với các nội dung cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ thuộc Chương trình.

Thực hiện thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ trong khuôn khổ Chương trình theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### **8. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp đề xuất nhu cầu và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tham gia Chương trình.

Phối hợp theo dõi, giám sát việc triển khai nhiệm vụ tại địa phương; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

### **9. Đối tượng được hỗ trợ**

Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, tổ chức khoa học và công nghệ và các tổ chức, cá nhân khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp trên địa bàn tỉnh, có nhu cầu và đủ điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định.

Đối tượng tham gia có trách nhiệm đề xuất nhiệm vụ, bố trí nguồn lực đối ứng (nếu có), tổ chức thực hiện đúng nội dung được phê duyệt và sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng quy định.

### **10. Các tổ chức, cá nhân có liên quan**

Các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tư vấn, tổ chức trung gian chuyển giao công nghệ trong và ngoài tỉnh được khuyến khích tham gia hợp tác triển khai nhiệm vụ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.

### **11. Điều khoản thi hành**

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương trình được triển khai thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2030; định hướng đến năm 2035 và là căn cứ để các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

#### ***Nơi nhận:***

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntgiang.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Phong**

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

*(Kèm theo Chương trình số 207/CTr-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Stt	Nhóm nhiệm vụ	Nội dung thực hiện	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ	Nghiên cứu, xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định pháp luật và nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan	Quý II/2026
2	Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ	Tổ chức triển khai các nhiệm vụ ứng dụng, tiếp nhận và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức sản xuất; ưu tiên các công nghệ số, tự động hóa, công nghệ chế biến sâu và công nghệ thân thiện môi trường	Khoảng 50 nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ được triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã; doanh nghiệp	2026 - 2030

3	Hỗ trợ sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu	Tổ chức các nhiệm vụ sản xuất thử nghiệm nhằm hoàn thiện công nghệ, kiểm chứng quy trình kỹ thuật và hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Khoảng 50 nhiệm vụ sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa công nghệ được triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; doanh nghiệp; tổ chức khoa học và công nghệ	2026 - 2030
4	Phát triển thị trường khoa học và công nghệ	Tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm công nghệ, sự kiện giới thiệu công nghệ; thúc đẩy giao dịch và chuyển giao công nghệ	Khoảng 75 lượt doanh nghiệp, tổ chức được hỗ trợ tham gia các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; các sở, ngành liên quan	2026 - 2030
5	Phát triển tổ chức trung gian thị trường khoa học và công nghệ	Tăng cường hoạt động tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ; kết nối với sàn giao dịch công nghệ và mạng lưới chuyên gia	Hỗ trợ phát triển hoặc nâng cao năng lực từ 01 - 02 tổ chức trung gian hoạt động hiệu quả; tăng số lượng giao dịch và kết nối công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; tổ chức khoa học và công nghệ	2026 - 2030
6	Tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức về đổi mới công nghệ	Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn giới thiệu công nghệ mới; phổ biến mô hình ứng dụng hiệu quả; cung cấp thông tin về nội dung và cơ chế hỗ trợ của Chương trình	Các hội nghị, hội thảo, diễn đàn về ứng dụng và đổi mới công nghệ được tổ chức hàng năm; thông tin về Chương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; cơ quan truyền thông; tổ chức khoa học và công nghệ	2026 - 2030

			trình được phổ biến rộng rãi			
7	Theo dõi, đánh giá và tổng kết Chương trình	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hằng năm, giữa kỳ và tổng kết giai đoạn	Báo cáo đánh giá hằng năm; báo cáo đánh giá giữa kỳ và tổng kết giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan	2026 - 2030